

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**PARK JI HOON**

**NGHIÊN CỨU CÁCH ĐỌC TỪ GỐC HÁN  
TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG HÀN**

**CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN NGÔN NGỮ  
MÃ SỐ: 62 22 01 01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN**

**HÀ NỘI - 2010**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**Người hướng dẫn khoa học  
GS.TS. Nguyễn Ngọc San**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Phản biện 3:**

**Luận án tiến sĩ sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp  
nhà nước họp tại Trường đại học Sư phạm Hà Nội  
vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm 2010.**

**Có thể tìm đọc luận án tại:**

- Thư viện Trường đại học Sư phạm Hà Nội**
- Thư viện Quốc gia**

**Danh mục công trình đã công bố của tác giả  
liên quan đến luận án**

1. Park Ji Hoon (2003), “Những đặc điểm của âm Hán Việt qua so sánh với âm Hán Hàn”, tạp chí *Ngôn ngữ*, (10), tr.44-52.
2. Park Ji Hoon (2003), “Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt qua tìm hiểu hệ thống Thần âm)”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (12), tr. 35-69.
3. Park Ji Hoon (2007), “So sánh ý nghĩa từ Hán Việt và Hán Hàn”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, (7), tr.31-38.
4. Park Ji Hoon (2009), “Những dấu vết âm Hán Thượng cổ(hoặc hệ thống ngữ âm từ đời Đường về trước) trong tiếng Việt và tiếng Hàn”, Tạp chí *Ngôn ngữ*, (12), tr.37-42.
5. Park Ji Hoon (2009), “Hiện tượng Trùng nữ ở Thần âm trong Hán Việt”, Tạp chí *Hán Nôm*, (6). Tr.45-52.

## MỞ ĐẦU

### I. Lý do chọn đề tài

Qua nhiều thế kỷ, cách đọc chữ Hán đã diễn biến theo từng thời kỳ ở Trung Quốc và từng nước trong khối đồng văn, vì mỗi vùng vay mượn vào một thời kỳ khác nhau, diễn biến dưới tác động của quy luật ngữ âm từng vùng; Ở Hàn Quốc cũng có cách đọc riêng của người Hàn, gọi là Hán Hàn và ở Việt Nam cũng có cách đọc của mình gọi là cách đọc Hán-Việt.

Cách đọc chữ Hán ở Việt Nam và Hàn Quốc tuy chịu qui luật ngữ âm và ngữ âm lịch sử từng nước, nhưng vẫn lưu lại vết tích của tiếng Hán là ngôn ngữ nguồn đã làm phát sinh ra các cách đọc này. Sự tìm hiểu cách đọc chữ Hán và những cứ liệu về cách đọc chữ Hán qua các giai đoạn cũng hết sức quan trọng khi nghiên cứu về cách đọc Hán Việt và Hán Hàn. Để hiểu được ngôn ngữ giữa hai nước, việc học tập và so sánh Hán Hàn và Hán Việt là điều cần thiết vì tiếng Việt và tiếng Hàn đều có tới khoảng 70% từ Hán Việt và Hán Hàn. Luận án này nhằm đi sâu tìm hiểu mối quan hệ giữa âm Hán Việt và Hán Hàn về mọi mặt. Do vậy, tìm hiểu cách đọc Hán Việt và Hán Hàn không chỉ có tầm quan trọng đối với ngành nghiên cứu lịch sử tiếng Việt và tiếng Hàn mà còn là cứ liệu tham khảo để nghiên cứu lịch sử tiếng Hán, đồng thời giúp người Việt học tiếng Hàn và người Hàn học tiếng Việt một cách dễ dàng.

### II Lịch sử vấn đề

Lịch sử nghiên cứu cách đọc chữ Hán trong tiếng Việt: Henri Maspero, Bernhard Karlgren đã lấy cách đọc Hán Việt làm tư liệu để tìm hiểu lịch sử tiếng Hán và tiếng Việt. Vương Lực và Nguyễn Tài Căn, Nguyễn Ngọc San... đã nghiên cứu nguồn gốc và diễn biến các phụ âm, nguyên âm và thanh điệu trong từ Hán Việt một cách hệ thống.

Lịch sử nghiên cứu cách đọc chữ Hán trong tiếng Hàn Vào thế kỉ 20, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Hàn Quốc như Lee Ki-Moon, Yu Chang-Kyun, Kang Shin Hang, Park Byung Chae và các nhà nghiên cứu Nhật Bản như Kouno Ryokuro (河野六郎), Murakami shichiro (村山七郎), Tsuboi Kumazo (坪井九馬三)... đã công bố những công trình tìm hiểu quá trình hình thành cách đọc chữ Hán ở Hàn Quốc.

### III Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là cách đọc tiếng Hán trong tiếng Việt và tiếng Hàn. Trong đó đi sâu vào xuất phát điểm là cách đọc tiếng Hán lấy hệ thống *Thiết vận* làm cơ sở chính. Ngoài ra, luận án còn đề cập đến cách đọc chữ Hán trước giai đoạn *Thiết vận*. Những cách đọc cũng như hiệu quả của nó trong tiếng Việt, tiếng Hàn cũng được trình bày trong chương 4.

Phạm vi: Để tìm hiểu cách đọc chữ Hán ở Việt Nam và Hàn Quốc (chủ yếu là Hán Việt và Hán Hàn), luận án phải xác định một điểm gốc chung làm xuất phát điểm cho cách đọc chữ Hán ở cả hai nước. Điểm gốc này phải nằm trong một giai đoạn xác định trong cả quá trình phát triển lâu dài của âm đọc tiếng Hán từ thời Kinh Thi cho đến thời hiện đại.

### IV. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp so sánh lịch sử giữa xuất phát điểm trong tiếng Hán Trung cổ, Hán Thượng cổ với âm đọc của các từ gốc Hán trong tiếng Việt và tiếng Hàn hiện đại. Trong khi so sánh từng Thanh mẫu và vận mẫu giữa tiếng Hán với Hán Việt và Hán Hàn, chúng tôi sử dụng các thao tác thống kê, so sánh, đối chiếu, cụ thể là đối chiếu âm Hán trung cổ với âm Hán Việt và Hán Hàn theo thanh mẫu (phụ âm đầu), vận mẫu (vần) để tìm hiểu những ảnh hưởng của âm Hán vào hệ thống ngữ âm tiếng Việt và

tiếng Hàn, xác định sự khác nhau giữa xuất phát điểm của âm Hán Việt và Hán Hàn. Trong luận án của chúng tôi không đề cập đến vấn đề so sánh thanh điệu vì tiếng Hàn hiện đại không có thanh điệu.

#### **V. Những đóng góp của luận án**

- Luận án này lần đầu tiên đặt vấn đề so sánh sự hình thành âm Hán Việt và Hán Hàn lấy cơ sở từ tiếng Hán Trung cổ Tiền kì và Hậu kì. Do đó, cách trình bày của luận án khác với các công trình đi trước đối với từng thanh mẫu và vận mẫu, con đường biến đổi khác nhau của chúng cũng đi theo những hướng khác nhau mà chúng tôi phải có nhiệm vụ mô tả tỉ mỉ.

- Trong khi nghiên cứu âm Hán Thượng cổ và hệ quả của nó là âm Tiền Hán Việt, chúng tôi đã phát hiện ra trong tiếng Hàn cũng có những từ gốc Hán xuất phát từ âm Hán Thượng cổ mà xưa nay người Hàn Quốc vẫn coi là từ thuần Hàn.

- Nhằm giải quyết yêu cầu đã nêu trong phần ‘Lý do chọn đề tài’, chúng tôi phải lập sự so sánh và mối quan hệ giữa âm Hán Việt và Hán Hàn mà trước đây chưa có ai nghiên cứu.

#### **VI. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được cấu trúc theo bốn chương sau:

Chương 1: Giới thiệu tổng quát âm Hán làm cơ sở và xuất phát điểm cho các cách đọc chữ Hán trong tiếng Việt và tiếng Hàn

Chương 2: So sánh sự hình thành hệ thống phụ âm đầu Hán Việt và Hán Hàn

Chương 3: So sánh sự hình thành hệ thống vận Hán Việt và Hán Hàn

Chương 4: Những từ gốc Hán ở Việt Nam và Hàn Quốc nằm ngoài cách đọc Hán Việt và Hán Hàn.

## CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT ÂM HÁN LÀM CƠ SỞ VÀ XUẤT PHÁT ĐIỂM CHO CÁC CÁCH ĐỌC CHỮ HÁN PHỔ BIẾN TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG HÀN

Trước hết chúng tôi tìm hiểu hệ thống *Thiệt vận* (切韻) có liên quan đến xuất phát điểm của hệ thống cách đọc chữ Hán ở Việt Nam và Hàn Quốc.

**-Tiền kì (前期): Lục triều (六朝), Đời Tùy (隨), Sơ Đường (初唐)**

(Tư liệu tham khảo chủ yếu: Quảng vận (廣韻), Vận kính (韻鏡))

**-Hậu kì (後期): Vãn Đường (唐末), Đời Tống (宋代)**

(Tư liệu tham khảo chủ yếu: Những vận thư xuất hiện sau Vận kính như Thất âm lược (七音略), Thiệt vận chỉ chương đồ (切韻指掌圖)...) )

Theo ý kiến các nhà nghiên cứu Hán học, trong hệ thống *Thiệt vận* có những diễn biến sau:

1. Trong Thân âm (唇音), những chữ thuộc Tam đẳng (三等) – Hợp khẩu (合口) trong Vận đồ (韻圖) được tách ra thành Kinh thân (輕唇音- âm môi răng).

2. Ở giai đoạn thượng cổ dãy Doan và dãy Tri còn nhập làm một mà sang đến hệ thống Thiệt vận đã tách thành hai.

3. Những chữ thuộc thanh mẫu chiếu (照), xuyên (穿), sàng (床), thẩm (審), thiền (禪) ở Chính xỉ âm (正齒音) trong Tam thập lục tự mẫu đều có 2 loại chữ phiên trên thuộc Nhị đẳng (二等) và Tam đẳng (三等) nên hệ thống Chính xỉ âm thời Thiệt vận có thể chia thành 10 tổ theo thanh loại.

4. Đến thời Thiệt vận, Hạp mẫu (匣母) được tách ra thành hai sau khi những chữ ở thanh loại Vu (于) ở Tam đẳng (三等) được ngạc hóa do giới âm /j/. Trong Vận đồ, thanh loại Vu được phân loại cùng với thanh loại Dĩ (以) – có nghĩa là đến cuối đời Đường, Vu mẫu (于母) đã cùng Dĩ mẫu (以母) quy vào Dụ mẫu (喻母).

Về phần vần, theo ý kiến của các nhà nghiên cứu Hán ngữ học, phần giới âm và âm cuối hầu như không có những thay đổi gì đáng kể, còn phần nguyên âm có những sự diễn biến hết sức cơ bản.

## CHƯƠNG 2. SO SÁNH SỰ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG PHỤ ÂM ĐẦU HÁN VIỆT VÀ HÁN HÀN

### 2.1. Hệ thống Thân âm (唇音)

- Trong hệ thống Thân âm, Hán Việt phản ánh rất rõ sự phân biệt Trọng thân và khinh thân, Hán Hàn phản ánh hệ thống Thiết vận trước khi tách riêng âm Khinh thân. Trong Hán Việt, âm Trọng thân Hán Trung cổ p và b đối ứng với b, âm Khinh thân f, f' và v đối ứng với f. Riêng p' ở Trọng thân phải kinh qua giai đoạn \*p' nhập với Khinh thân f và f' trước khi chuyển thành f do hiện tượng xát hóa. Hán Việt phân biệt rõ Hán TC m -HV m (hoặc z) và Hán TC m̄ -HV v, trong khi Hán Hàn thể hiện Hán TC m / m̄ đều bằng m.

- Hán Hàn chủ yếu thể hiện bằng p hoặc p' vì trong quá trình hình thành Hán Hàn có sự lẫn lộn p / p' do khu đối lập bật hơi/ không bật hơi mới nảy sinh ra trong hệ thống ngữ âm sau khi tiếp xúc với tiếng Hán.

- Hán Việt thể hiện sự đối lập giữa trùng nữ tam đẳng và tứ đẳng.

- Hán Việt giữ lưu tích về hiện tượng mất thế đối lập vô thanh / hữu thanh (\*p/ \*b) của giai đoạn từ tiền Việt Mường sang giai đoạn Việt Mường chung bằng cách dùng thế đối lập âm vực cao / thấp. Âm /p/ Hán TC (vô thanh; Bang mẫu) chuyển thành /b/ HV với âm vực cao (ngang, hỏi, sắc) và âm /b/ Hán TC (hữu thanh; Tĩnh mẫu) chuyển thành âm /b/ HV với âm vực thấp (huyền, ngã, nặng).

### 2.2. Hệ thống Thiết âm (舌音)

- Thiết đầu âm chỉ nằm trong nhất đẳng và tứ đẳng. Hán Việt và Hán Hàn đã kinh qua những đặc điểm biến đổi ngữ âm của bản địa như hiện tượng vô thanh hóa, hữu thanh hóa ở tiếng Việt và ngạc hóa ở tiếng Hàn. Trong đó, Hán Hàn phân biệt rất rõ những quan hệ thanh mẫu giữa tứ đẳng và nhất đẳng mà Hán Việt không thể hiện.

- Thiết thượng âm thường kết hợp với tam đẳng, tứ đẳng và nhị đẳng. Tuyệt đại đa số trường hợp, /t'/ Hán TC được thể hiện bằng /s/ ở âm Hán Việt do xu thế diễn biến ngữ âm – xát hóa. Hiện tượng này có thể diễn ra cùng với âm tắc xát / tɕ'/ của Hán TC. Ngoài ra, Hán Hàn còn phản ánh âm thiết thượng / t /, / t' / và / d / bằng /c/ hay /c' /.

- Âm mũi /n/ và âm bên /l/ Hán TC được thể hiện rất đều đặn trong âm Hán Việt và Hán Hàn.

- Ngoài ra, trong kho từ THV có một số trường hợp thuộc thanh mẫu Lai /l/ phản ánh âm Thượng cổ khi mẫu Lai đang còn giữ âm trị \*/r/.

- Nguồn gốc TR / t / tiếng Việt hiện nay cũng có một con đường diễn biến riêng – TL (<KL) và BL (<PL). Thanh mẫu Tri (/ t /) và thanh mẫu Trùng (/ d /) nhập thành / t / do xu hướng vô thanh hóa; Thanh mẫu Triệt mẫu (/ t' /) chuyển thành /s/ do xu hướng xát hóa và một số trường hợp còn giữ âm / t /. Nhìn chung, / t / Hán Việt chỉ có thể chịu ảnh hưởng bởi giới âm /\*-r/ hoặc /-i-/ Tam đẳng của thời Hán thượng cổ trong khi học cách đọc chữ Hán như một ngoại ngữ và diễn biến theo quy luật ngữ âm của bản địa.

### 2.3. Hệ thống Xi âm (齒音)

- Hán Hàn phản ánh /ts/, /dz/, /tɕ/, /tɕ'/ thành /c/ (hoặc /c' /).

- Hán Việt phản ánh /ts/ và /dz/ thành /t/; /tɕ/ thành /t /; /tɕ'/ thành /c/.

- Hán Hàn phản ánh /ts' /, /tɕ' / và /tɕ' / chủ yếu thành /c' /.

- Hán Việt phản ánh /ts' / thành /t' /; /tɕ' / thành /s /; /tɕ' / thành /s /.

- Hán Hàn phản ánh /s/, /z/, /dz/, /s /, /z /, /dz /, /ç /, /ç / đều thành /s/

- Hán Việt phản ánh /s/, /z/ thành /t/; /dz/, /s /, /z / thành /s /; /dz /, /ç /, /ç / thành /t' /.

- Hán Hàn phản ánh /ɲ/ thành /ø/, Hán Việt phản ánh thành /ɲ/.

Nhìn chung, Hán Việt phân biệt rất rõ sự khác nhau giữa Xi đầu và Chính xỉ, trong khi Hán Hàn hoàn toàn không phân biệt. Còn trong quá trình giản hóa những phụ âm tắc xát Hán TC, Hán Việt và THV cũng thể hiện những âm biến thể như /t'/, /z/, /t/ và /s/.

#### 2.4. Hệ thống Nha âm (牙音)

- Âm Hán Việt phân biệt rõ những chữ thuộc khai khẩu- Nhị đẳng kinh qua hiện tượng ngạc hóa. Như ở Kiến mẫu Khai khẩu – Nhị đẳng /\*k<sub>1</sub>/ chuyển sang HV thành /z/, Khê mẫu Khai khẩu – Nhị đẳng /\*k<sub>2</sub>/ chuyển sang HV thành /s/ và Nghi mẫu Khai khẩu – Nhị đẳng /\*ɲ<sub>1</sub>/ chuyển sang HV thành /ɲ/. Hiện tượng ngạc hóa này xảy ra vào cuối đời Đường.

Trong quá trình này, cũng có trường hợp /\*k<sub>1</sub>/ không chuyển thành /z/. Những trường hợp như cảng (港), cách (革), nganh (梗), nhai (街)... ở Kiến mẫu thể hiện bằng /k/ hay âm mũi /ɲ/, /ɲ/. Những biến âm ngoài cách đọc Hán Việt hình thành theo quy luật ngữ âm chung, không phải những trường hợp lệ ngoại vẫn diễn biến theo phạm vi qui luật ngữ âm. Điều này giải thích được nếu ta đối chiếu với từ gốc Hán hay Hán Hàn. Ví dụ như trường hợp ‘nhà/gia’ – HV gia (家) là hậu quả hiện tượng ngạc hóa của /k<sub>2</sub>/, hơn nữa âm THV ‘nhà’ cũng là kết quả của quá trình ngạc hóa. Hán Hàn đối ứng với trường hợp Hán TC /k<sub>1</sub>/ - THV /ɲ/ - HV /z/ này bằng /k/ (/ka/). Ngoài ra, những trường hợp lẻ tẻ như Hán TC /k<sub>1</sub>/ - THV /s/ - HV /z/- HH /k/ như xuống /giáng (降. HH /kaŋ/), Hán TC /k<sub>1</sub>/ - THV /k/ - HV /ɲ/- HH /k/ như cái/ nhai (街. HH /ka/) .. cũng diễn biến theo quy luật ngữ âm. Sự ngạc hóa này cũng tác động cả đến một số trường hợp ngoài phạm vi Khai khẩu- Nhị đẳng như đôi/ cái (改. Khai nhất 開一. HH /kɛ/), đoái/ cố (顧. Hợp nhất 合一. HH /ko/), gừng/ khương (薑. Khai tam 開三. HH /kaŋ/), kêu/ khiêu (叫. Khai tứ 開四. HH /k<sub>1</sub>ju/), xấn/ khiên (襄. Trùng nữ tam đẳng 重紐三等. HH /kən/) ...

Nhìn chung, Hán Hàn phản ánh Nha âm Hán trung cổ rất đều đặn. Chỉ có một số trường hợp lẻ tẻ phản ánh bằng /h/ ở các mẫu Kiến, Khê, Nghi do sự lẫn lộn thể đối lập bật hơi/ không bật hơi.

Ở Hán Việt, trong phần lớn trường hợp /k/ và /g/ nhập vào /k/ do vô thanh hóa, /k'/ và /ɲ/ phản ánh các phụ âm tương tự trong hệ thống ngữ âm tiếng Việt. Ở Hán Hàn, /k/, /k'/, /g/ đều nhập vào /k/ do vô thanh hóa, và /ɲ/ đối ứng với phụ âm zero.

#### 2.5. Hệ thống Hầu âm (喉音)

- Hán Việt và Hán Hàn đều phản ánh mẫu Hạp (/ɣ/) và mẫu Hiều (/ɣ/) bằng /h/. Trong hệ thống ngữ âm tiếng Việt và tiếng Hàn đều không có âm xát /ɣ/ và /ɣ/ nên bắt buộc chúng phải tìm một phụ âm gần về bộ vị cấu âm. Hán Việt phân biệt rõ mẫu Vân (/ɣj/) (được tách ra từ mẫu Hạp) và mẫu Dĩ (/ø (j)/), trong khi Hán Hàn nhập Vân và Dĩ là một. Hán Việt cũng phân biệt khai khẩu và hợp khẩu ở Vân mẫu. Những chữ thuộc hợp khẩu ở mẫu Vân qua giai đoạn /\*w/ nên diễn biến cùng với mẫu Vi (/ɲj/) thành /v/. mẫu Dĩ qua giai đoạn /\*j/ diễn biến cùng với Trùng nữ tứ đẳng của mẫu Minh (/mj/) chuyển thành /z/.

Ở Hán Việt, phụ âm xát hữu thanh /z/ phản ánh mẫu Dĩ được ghi bằng ‘d’ Quốc ngữ. Hiện nay, ‘d’ được đọc ở miền Bắc (Hà Nội) là /z/, ở miền Nam là /j/ và một số khu vực ở miền Trung là một âm tắc, đầu lưỡi, ngạc hóa /g/. Vì vậy, khi các giáo sĩ phiên âm chữ Quốc ngữ, âm trị /z/ này có thể được phát âm gần với /d/ (hoặc /ð/ của tiếng Bồ) nên đặt chữ cái cho phụ âm này bằng ‘d’. Do đó, Mineya Tooru giải thích quá trình HV phản ánh mẫu Dĩ có thể kinh qua /g/ trước khi thành HV /z/ và Nguyễn Tài Căn giải thích quá trình diễn biến này là /ø (j)/ > j > ɟ > d ð // d (D Quốc ngữ).

#### 2.6. Tiểu kết chương 2

- Hán Việt ban đầu và Hán Hàn đều chuyển các âm hữu thanh Hán TC thành vô thanh. Hán Việt lưu lại thể đối lập này bằng âm vực bổng và trầm. Hiện tượng hữu thanh hóa này không xảy ra ở Hán Hàn.



- Hán Việt thể hiện đều đặn thể đối lập bật hơi /không bật hơi trong âm môi, Hán Hàn thể hiện lẫn lộn thể đối lập này.

- Khi tách khỏi Việt Mường chung, Hán Việt lại hữu thanh hóa, xát hóa và tắc hóa. Hai quá trình diễn biến trong ngữ âm tiếng Việt này làm cho cách đọc Hán Việt càng xa với âm gốc của nó. Ở Hán Hàn, ngoài hiện tượng vô thanh hóa ra, chỉ có hiện tượng ngạc hóa trong hệ thống âm đầu lưỡi.

- Hán Việt phản ánh rõ những trường hợp Trùng nữu tứ đẳng trong khi Hán Hàn không phản ánh hiện tượng này.

- Hán Hàn phản ánh hệ thống âm Hán trước thời *Thiết vận*. Ở Hán Việt, những phụ âm tắc có giới âm /-j-/ như /pj (w)/, /p<sup>h</sup>j (w)/ và /p<sup>h</sup>/ nhập một thành /\*p<sup>h</sup>/ khi vô thanh hóa. Những phụ âm tắc bị xát hóa do hai yếu tố /j/ và /w/ cùng tồn tại nên chuyển thành /f/. Trường hợp /bj (w)/ diễn biến theo con đường /bj (w)/ > /\*pj (w)/ > /\*bj (w)/ > /f/.

- Ở Hán Việt, trường hợp thuộc Khai khẩu, Nhị đẳng chuyển thành âm xát đầu lưỡi như /\*kr/ > /\*k<sup>h</sup>j/ > /z/, /\*k<sup>h</sup>r/ > /k<sup>h</sup>j/ > /s/. Trường hợp /\*ŋr/ thì chuyển thành mặt lưỡi /ɲ/. Hiện tượng này không thấy ở Hán Hàn ngoài một số trường hợp lẻ tẻ thể hiện bằng /k/ ở /ɣ/.

### CHƯƠNG 3. SO SÁNH SỰ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG VẦN HÁN VIỆT VÀ HÁN HÀN

Về Vận mẫu (vần), các nhà âm vận học Trung Quốc quy tất cả các vần gồm 206 vần (Thượng bình thanh 上平聲 28 vần, Hạ bình thanh 下平聲 29 vần, Thượng thanh 上聲 55 vần, Khứ thanh 去聲 60 vần và Nhập thanh 入聲 34 vần) của âm HTC thành 16 nhiếp (攝) như Thông 通, Giang 江, Chi 止, Ngộ 遇, Giải 蟹, Trần 臻, Sơn 山, Hiệu 效, Quả 果, Giả 假, Đãng 宕, Ngạnh 梗, Tăng 曾, Lưu 流, Thâm 深, Hàm 咸.

#### 3.1. Hệ thống những vần mở

##### 3.1.1. Nhiếp Ngộ (遇)

- Hán TC /u/ đối ứng với HV và HH /o/.
- Hán TC /ĩ<sup>w</sup>o/ đối ứng với HV /u/, HH /ə/ và /jə/.
- Hán TC /ĩ<sup>w</sup>o/ xuất hiện sau Trang tổ (莊組) đối ứng với HV /ɤ/, HH /o/.
- Hán TC /iu/ đối ứng với HV, HH /u/.

##### 3.1.2. Nhiếp Quả (果)

- Hán TC /a/ đối ứng với HV, HH /a/; Hán TC /ua/ đối ứng với HV /u9a/.

##### 3.1.3. Nhiếp Giả (假)

- Hán TC /a/, /ĩa/ đối ứng với HV, HH /a/.
- Hán TC /wa/ đối ứng với HV /u9a/.

#### 3.2. Hệ thống những vần nửa mở kết thúc bằng /- i/

##### 3.2.1. Nhiếp Chi (止)

- Hán TC /iə/, /i/ và /iə/ đối ứng với HV, HH /i/.
- Hán TC /iə/, /i/ và /iə/ kết hợp với Tinh tổ (精組) đối ứng với HV /u/, HH /a/.
- Hán TC /iwe/, /wi/ đối ứng với HV /ui/; Hán TC /iwei/ đối ứng với HV /i/ và /ui/.
- Hán TC /iwe/, /wi/ đối ứng với HH /y/, /u/, /iu/; Hán TC /iwei/ đối ứng với HH /y/ và /i/.

##### 3.2.2. Nhiếp Giải (蟹)

- Hán TC /ɿ/, /ai/ đối ứng với HV /aj/, HH /ɛ/.
- Hán TC /ai/, /ɿ/ và /æi/ đối ứng với HV /aj/, HH /ɛ/ và /a/.
- Hán TC /uɿ/, /uai/ đối ứng với HV /oi9/, HH /ø/ và /ɛ/.
- Hán TC /wai/, /wei/, /wæi/ đối ứng với HV /uaj/, HH /ø/, /uɛ/.
- Hán TC /iɿ/, /iɿ/ và /iei/ đối ứng với HV /e/, Hán TC /iwei/, /iwei/ và /iwei/ đối ứng với HV /ue/, Hán TC /iɿ/, /iɿ/, /iwei/, /iwei/ và /iwei/ đối ứng với HH /i9e/, Hán TC /iei/ đối ứng với HH /e/.

#### 3.3. Hệ thống những vần nửa mở kết thúc bằng /- u/

##### 3.3.1. Nhiếp Hiệu (效)

- Hán TC /ieu/ và /iəu/ đối ứng với HV /i\_eu9/, HH /o/ và /i9o/.
- Hán TC /au/, /au/ đối ứng với HV /au9/, HH /o/ và /i9o/.

##### 3.3.2. Nhiếp Lưu (流)

- Hán TC /iəu/ đối ứng với HV /u/ và /uu9/, Hán TC /əu/ - HV /ɤu9/.
- Hán TC /iəu/ đối ứng với HH /u/ và /i9u/; Hán TC /əu/ - HH /u/.

#### 3.4. Hệ thống những vần kết thúc bằng /- m/ và /-p/

##### 3.4.1. Nhiếp Thâm (深)

- Hán TC /iəm/ đối ứng với HV /ɤm/, HH /im/ và /im/.
- Hán TC /iəp/ đối ứng với HV /ɤp/, HH /ip/ và /ip/.

##### 3.4.2. Nhiếp Hàm (咸)

- Hán TC /ɒm/, /am/, /ɛm/, /am/ đối ứng với HV, HH /am/; Hán TC /ɒp/, /ap/, /ɛp/, /ap/ đối ứng với

HV, HH /ap/.

- Hán TC /iem/, /iem/ và /iem/ đối ứng với HV /i<sub>ɛ</sub>m/, HH /əm/; Hán TC /iep/, /iep/ và /iep/ đối ứng với HV /i<sub>ɛ</sub>p/, HH /əp/.

- Hán TC /iwem/ đối ứng với HV /am/, HH /əm/; Hán TC /iwep/ đối ứng với HV /ap/, HH /əp/.

### 3.5. Hệ thống những vần kết thúc bằng /-n/ và /-t/

#### 3.5.1. Nhiếp Trăn (臻)

- Hán TC /ən/ đối ứng với HV /ʒn/, HH /in/, /an/; Hán TC /uən/ đối ứng với HV, HH /on/; Hán TC /uət/ đối ứng với HV /ot/, HH /ol/.

- Hán TC /ièn/ đối ứng với HV /ʒn/, HH /in/; Hán TC /iět/ đối ứng với HV /ʒt/, HH /il/; Hán TC /iæn/ đối ứng với HV /ʒn/, HH /in/, Hán TC /iət/ đối ứng với HV /ʒt/, HH /il/.

- Hán TC /iüèn/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>ʒn/, HH /i<sub>9</sub>un/ và /un/; Hán TC /iüět/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>ʒt/, HH /i<sub>9</sub>ul/ và /ul/.

- Hán TC /iüən/ thể hiện ở HV /u<sub>9</sub>ʒn/, /ʒn/ và /ǎn/, ở HH /un/; Hán TC /iüət/ thể hiện ở HV /u<sub>9</sub>ʒt/ và /ʒt/, ở HH /ul/.

#### 3.5.2. Nhiếp Sơn (山)

- Hán TC /an/, /an/, /æn/ đối ứng với HV, HH /an/; Hán TC /at/, /at/, /æt/ đối ứng với HV /at/, HH /al/; Hán TC /uan/, /wan/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>an/ và /an/, HH /an/ và /u<sub>9</sub>an/; Hán TC /uat/, /wat/, /wæt/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>at/, HH /al/.

- Hán TC /iæn/, /iæn/, /ien/ đối ứng với HV /i<sub>ɛ</sub>n/, HH /ən/ và /i<sub>9</sub>ən/; Hán TC /iēt/, /iēt/, /iet/ đối ứng với HV /i<sub>ɛ</sub>t/, HH /al/, /əl/ và /i<sub>9</sub>əl/.

- Hán TC /iwen/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>i<sub>ɛ</sub>n/ và /an/, HH /u<sub>9</sub>ən/ và /an/; Hán TC /iwet/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>i<sub>ɛ</sub>t/ và /at/, HH /u<sub>9</sub>əl/ và /al/.

- Hán TC /iwen/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>i<sub>ɛ</sub>n/, HH /i<sub>9</sub>ən/; Hán TC /iwet/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>i<sub>ɛ</sub>t/, HH /i<sub>9</sub>əl/.

- Hán TC /iwen/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>i<sub>ɛ</sub>n/, HH /i<sub>9</sub>ən/; Hán TC /iwet/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>i<sub>ɛ</sub>t/, HH /i<sub>9</sub>əl/.

### 3.6. Hệ thống những vần kết thúc bằng /-ŋ/ và /-k/

#### 3.6.1. Nhiếp Thông (通)

- Hán TC /uŋ/, /uŋ/ đối ứng với HV, HH /oŋ/, Hán TC /uk/, /uok/ đối ứng với HV, HH /ok/.

- Hán TC /iŋ/ đối ứng với HV, HH /uŋ/; Hán TC /iuk/ đối ứng với HV, HH /uk/.

- Hán TC /iwoŋ/ đối ứng với HV /uŋ/, HH /oŋ/; Hán TC /iwok/ đối ứng với HV /uk/, HH /ok/.

#### 3.6.2. Nhiếp Giang (江)

- Hán TC /oŋ/ - HV, HH /aŋ/; Hán TC /ɔk/ - HV, HH /ak/.

#### 3.6.3. Nhiếp Đãng (宕)

- Hán TC /aŋ/ đối ứng với HV /aŋ/ và /u<sub>9</sub>aŋ/, HH /aŋ/; Hán TC /ak/ đối ứng với HV, HH /ak/.

- Hán TC /uoŋ/ đối ứng với HV, HH /u<sub>9</sub>aŋ/; Hán TC /uok/ đối ứng với HV, HH /u<sub>9</sub>ak/.

- Hán TC /iaŋ/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>aŋ/, HH /aŋ/; Hán TC /iak/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>ak/, HH /ak/.

- Hán TC /iwaŋ/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>aŋ/, /u<sub>9</sub>oŋ/, /ɔŋ/, HH /aŋ/, /u<sub>9</sub>aŋ/; Hán TC /iwak/ đối ứng với HV, HH /u<sub>9</sub>ak/.

#### 3.6.4. Nhiếp Ngạnh (梗)

- Hán TC /eŋ/, /æŋ/ đối ứng với HV /ɛŋ/, HH /æŋ/ và /i<sub>9</sub>eŋ/; Hán TC /ɛk/, /æk/ đối ứng với HV /ɛk/, HH /æk/ và /i<sub>9</sub>ək/.

- Hán TC /weŋ/, /wæŋ/ đối ứng với HV /u<sub>9</sub>ɛŋ/, HH /oŋ/ và /u<sub>9</sub>aŋ/; Hán TC /wɛk/, /wæk/ đối ứng

với HV /u<sup>h</sup>ək/, HH /øk/ và /u<sup>h</sup>ak/.

- Hán TC /<sup>h</sup>ieŋ/, /<sup>h</sup>ieŋ/ đối ứng với HV /iŋ/, HH /i<sup>h</sup>əŋ/ và /əŋ/; Hán TC /<sup>h</sup>iek/, /<sup>h</sup>iek/ đối ứng với HV /ik/, HH /ik/ và /ək/.

### 3.6.5. Nhiếp Tăng (曾)

- Hán TC /əŋ/ đối ứng với HV /ǎŋ/, HH /iŋ/; Hán TC /uəŋ/ đối ứng với HV /u<sup>h</sup>ǎŋ/, HH /oŋ/.

- Hán TC /<sup>h</sup>ieŋ/ đối ứng với HV /tueŋ/ và /ǎŋ/, HH /iŋ/ và /iŋ/.

- Hán TC /<sup>h</sup>iek/ sang HV thành /tuk/ và /ǎk/, sang HH thành /ik/ và /ik/; Hán TC /<sup>h</sup>iwək/ sang HV thành /tuk/, sang HH thành /i<sup>h</sup>ək/.

## 3.7. Tiểu kết chương 3

- Về giới âm: Giới âm Tam đẳng /i/ và Tứ đẳng /i/ bị rụng và thu hẹp độ mở, hòa lẫn cùng nguyên âm tạo ra nguyên âm đôi hẹp hơn nguyên âm đơn tương ứng ở Hán Việt. Giới âm /i/ bị rụng và giới âm Tứ đẳng được thể hiện bằng /i/ ở Hán Hàn. Giới âm Hợp khẩu /w/ được chuyển thành /u/ hoặc hòa cùng nguyên âm tạo ra /o/ hay /u o/ ở Hán Việt. Trường hợp đứng sau âm môi, giới âm /w/ sẽ bị rụng. Ở Hán Hàn, /w/ khi đứng sau âm môi và âm đầu lưỡi bị rụng, trong những trường hợp còn lại thể hiện bằng /u/.

- Về nguyên âm chính: Những vận bộ có nguyên âm mở chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn vẫn là nguyên âm mở và những vận bộ có nguyên âm nửa đóng chủ yếu đều chuyển thành /i/ ở Hán Việt và Hán Hàn. Những vận bộ có nguyên âm đóng được thể hiện bằng /o/ ở cả Hán Việt và Hán Hàn.

- Sự Phân ánh Trùng vận (重韻): Sự phân biệt trùng vận Nhất đẳng nằm trong quan hệ đối lập giữa /ɒ/ và /a/ ở Hán Hàn phản ánh hệ thống âm Trung cổ đời Ngụy – Tấn, Nam Bắc triều trong khi sự đối lập /ɒ/ và /a/ vẫn được duy trì, còn Hán Việt phản ánh hệ thống âm Trung cổ muộn hơn sau khi /ɒi/ và /ai/ – Khai nhất nhập một thành /ai/. Ở trùng vận Nhị đẳng, Hán Việt thể hiện những vận bộ Giai (皆 /ei/) - Giai (佳 /ai/) - Khoái (夬 /æi/) đều bằng /ai/ nhưng Hán Hàn lại phân biệt /ai/ bằng /a/ và /ei/, /æi/ bằng /ɛ/.

- Xét về âm cuối: Những vận bộ không có âm cuối (âm cuối zero) chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn đều cũng không có âm cuối. Những vận bộ có âm cuối /i/ vẫn được giữ nguyên trong Hán Việt và Hán Hàn. Những vận bộ có âm cuối /u/ khi chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn vẫn không thay đổi. Những vận bộ Tiêu (蕭), Tiêu (宵), Hào (肴), Hào (豪) sang Hán Việt giữ nguyên âm cuối /u/ nhưng sang Hán Hàn thì được thể hiện bằng âm cổ hơn là /o/. Những vận bộ có âm cuối /m/ - /p/, /n/ - /t/, /ŋ/ - /k/ trong Hán TC khi chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn đều giữ nguyên không thay đổi.

## CHƯƠNG 4

### NHỮNG TỪ GỐC HÁN Ở VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC NẴM NGOÀI CÁCH ĐỌC HÁN VIỆT VÀ HÁN HÀN

#### 4.1. Những dấu vết âm Hán Thượng cổ (hoặc hệ thống ngữ âm từ đời Đường về trước) trong tiếng Việt và tiếng Hàn

##### 4.1.1. Những dấu vết trong tiếng Việt

Tiền Hán Việt là những đơn vị gốc Hán được du nhập vào qua con đường khẩu ngữ, đọc mô phỏng âm Hán Thượng cổ (hoặc trước âm Đường). Mặc dù những lớp từ này không nhiều và ảnh hưởng lẻ tẻ đến hệ thống tiếng Việt nhưng những cách đọc này phản ánh những giai đoạn trước âm Đường và hiện vẫn tồn tại trong tiếng Việt.

##### 4.1.2. Những dấu vết trong tiếng Hàn

Khác với Tiền Hán Việt, tiếng Hàn rất ít để lại những dấu vết phản ánh hệ thống ngữ âm sớm hơn Trung cổ, nhưng nếu xét kỹ và so sánh với Tiền Hán Việt, những yếu tố gốc Hán trong tiếng Hàn như /pe/ (THV là Vải), /pal/ (THV là Bán), /cə/ (THV là Chợ)...thể hiện rất rõ sự tương ứng với hệ thống ngữ âm Hán cổ hơn Hán Hàn.

#### 4.2. Dấu vết âm gốc lưỡi trong một số trường hợp ở Chương tổ

Chương tổ (章組) gồm những thanh mẫu như Chương (章), Xương (昌), Thuyền (船), Thư (書) và Thường (常). Ở Hán Việt, Chương được thể hiện chủ yếu bằng /c/, Xương bằng /s/ và Thuyền, Thư, Thường bằng /t'/. Ở Hán Hàn, Chương được thể hiện bằng /c/, Xương bằng /c'/ và Thuyền, Thư, Thường bằng /s/. Bên cạnh đó, Hán Việt và Hán Hàn thể hiện những dấu vết âm gốc lưỡi trong một số trường hợp thuộc Chương tổ như sau:

- Hán Việt và Hán Hàn phân biệt rõ những trường hợp thuộc Chương tổ gồm thiên bàng (偏旁) hài thanh với Kiến tổ (見組).
- Hán Việt và Hán Hàn phản ánh rất đều đặn những trường hợp có 2 phiên thiết mà trong đó có chữ phiên trên thuộc Chương tổ và Kiến tổ trong Quảng vận.
- Một số trường hợp có thanh mẫu Chương mà nằm trong quan hệ giữa Từ gốc Hán /k/ (/γ/) hoặc /z/ - HV /c/ như Kim (Ghim) – Châm (針), Kê - Già (者), Giống - Chủng (種), Giấy - Chi (紙), Giêng (Chinh. 正)...

#### 4.3. Những biến đổi ngữ âm sau khi hình thành âm Hán Việt và Hán Hàn

##### 4.3.1. Sự diễn biến trong tiếng Việt

Sau khi cách đọc Hán Việt được hình thành và trở nên một hệ thống ngữ âm tương đối ổn định, những yếu tố Hán trong tiếng Việt vẫn tiếp tục có những biến đổi. Những diễn biến này chỉ ảnh hưởng vào một số đơn vị lẻ tẻ, nhất là những từ thường dùng hằng ngày.

##### 4.3.2. Sự diễn biến trong tiếng Hàn

- Hiện tượng ngạc hóa như những phụ âm đầu /t/ (ㄷ), /t'/ (ㅌ) đứng trước /i/ hoặc /j/ chuyển thành /c/ (ㅈ) hoặc /c'/ (ㅊ).
- Hiện tượng /\*z/ (ㄹ) chuyển thành /ø/ (ㅇ).
- Hiện tượng một số trường hợp chuyển thành phụ âm căng (Fortis) như /s'aŋ/ (쌍; 雙), /s'i/ (씨; 氏) và /k'ik/ (꺾; 喫).
- Hiện tượng tròn môi hóa trong trường hợp /i/ đứng sau phụ âm môi.
- Hiện tượng đơn âm hóa những vần có giới âm /-j- (-j-)/.
- Hiện tượng /v/ (ㅇ) chuyển thành /a/ (ㅏ).

#### 4.4. Những trường hợp đọc mô phỏng thổ ngữ tiếng Trung Quốc trong tiếng Việt gốc Hán và tiếng Hàn gốc Hán

Ngoài những trường hợp ở trên, trong tiếng Việt và tiếng Hàn cũng có những lớp từ gốc Hán du nhập trong quá trình tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp. Nhưng những lớp từ này không rõ thời điểm xuất hiện và khó xác định quy tắc ngữ âm.

#### 4.5. Tiểu kết chương 4

- Âm Tiên Hán Việt là âm đọc chữ Hán trước khi hình thành ra âm Hán Việt phần lớn là cách đọc mô phỏng âm Hán Thượng cổ. Khác với Tiên Hán Việt, tiếng Hàn ít khi để lại những dấu vết phản ánh hệ thống ngữ âm sớm hơn Trung cổ, nhưng nếu xét kỹ và so sánh với Tiên Hán Việt, những yếu tố gốc Hán trong tiếng Hàn như /put/ (*bút*), /cə/ (*chợ*), /ke/ (*ghẹ*) ... thể hiện rất rõ sự tương ứng với hệ thống ngữ âm Hán cổ hơn Hán Hàn.

- Hán Việt và Hán Hàn phản ánh rất đều đặn những trường hợp có 2 phiên thiết mà trong đó có chữ phiên trên Chương tổ và Kiến tổ trong Quảng vận. Một số trường hợp có thanh mẫu Chương mà nằm trong quan hệ giữa Từ gốc Hán /k/ (/γ/) hoặc /z/ - HV /c/ là những trường hợp giữ dấu vết âm gốc lười ở Chương tổ. Ngoài ra, giữa Hán Việt và Hán Hàn (hoặc từ gốc Hán) cũng có trường hợp bị lẫn lộn giữa Chương tổ và Kiến tổ (/c/ hoặc /t' / ~ /k/).

- Sau khi cách đọc Hán Việt được hình thành, được xem là hệ thống ngữ âm tương đối ổn định, những yếu tố Hán trong tiếng Việt vẫn tiếp tục có những biến đổi.

- Tuy không rõ thời điểm xuất hiện và khó xác định quy tắc ngữ âm, nhưng những trường hợp như *đậu phụ*, *há cảo*, *xì dầu*... trong Tiếng Việt và /mu m̩əŋ/, /si kim c'i /... trong Tiếng Hàn được xem là tên gọi mới cho những món ăn, vật phẩm được mang đến, sau khi có sự tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp với người Trung Quốc trong quá trình thông thương.

## KẾT LUẬN

Cách đọc chữ Hán ở Việt Nam và Hàn Quốc hình thành trong suốt quá trình lịch sử lâu dài, chịu ảnh hưởng của qui luật ngữ âm của từng dân tộc nhưng vẫn lưu lại vết tích của các giai đoạn diễn biến ngữ âm tiếng Hán. Vì vậy, tìm hiểu quá trình hình thành cách đọc chữ Hán ở Việt và Hàn không chỉ để hiểu riêng về âm Hán mà còn đóng góp cho sự nghiên cứu lịch sử tiếng Việt và tiếng Hàn.

Trong luận án này, chúng tôi chỉ mới nêu ra một số đặc trưng của các hệ thống âm Hán Việt và Hán Hàn trong quá trình hình thành ra chúng qua thống kê so sánh đối chiếu âm Hán trung cổ với âm Hán Việt và Hán Hàn theo các phân thanh mẫu (phụ âm đầu) và vận mẫu (vận) để tìm hiểu những ảnh hưởng của âm Hán vào hệ thống ngữ âm tiếng Việt và tiếng Hàn, xác định sự khác nhau giữa xuất phát điểm của âm Hán Việt và Hán Hàn. Những đặc điểm của cách đọc Hán Việt và Hán Hàn được trình bày như sau:

### I. Về mặt thanh mẫu (聲母 - phụ âm đầu)

- Sự phân biệt giữa *Trọng thân* (重唇. Âm môi môi) và *Khinh thân* (輕唇. Âm môi răng)

Âm Trung cổ Tiên kì chỉ có âm môi-môi (p, p', b, m), đến thời Trung cổ Hậu kì (cuối Đường), những trường hợp thuộc Tam đẳng - Hợp khẩu được tách thành môi-răng (f, f', v, m). Hán Việt phân ánh sự phân biệt *Trọng thân* và *Khinh thân* còn Hán Hàn không phân biệt thể đối lập này. Một số trường hợp trong THV vẫn duy trì dấu vết cổ là âm môi môi.

- Sự phân ánh các thanh mẫu *Hạp* (匣) và *Vân* (云), *Dĩ* (以)

Hán Việt và Hán Hàn đều thể hiện thanh mẫu *Hạp* (/ɣ/) chủ yếu bằng /h/. Vì Việt và Hàn đều không có âm xát /ɣ/ nên buộc phải tìm một phụ âm gần gũi về bộ vị cấu âm. /h/ Hán Việt tiếp tục diễn biến trong phạm vi ngữ âm bản địa chuyển thành HHV /v/.

Hán TC *Vân* /ɣj/ từ *Hạp* /ɣ/ Tam đẳng tách ra. Khi vào Việt, /\*ɣ/ bị rụng, do áp lực tăng cường của /-i/, /ɣj/ chuyển thành /j/. Còn ở trường hợp Khai khẩu thì vô thanh hóa chuyển thành /h/ và ở Hợp khẩu do yếu tố môi diễn biến theo con đường của mẫu Vi thành /v/. Hán TC /ɣj/ Hợp khẩu diễn biến cùng với /m/ nên mặc dù *vân* (雲) là Hợp khẩu – Tam đẳng, nhưng âm cổ (THV) của nó là ‘mây’ – đúng theo quá trình diễn biến của Vi mẫu như *mùi* - vị (味), *múa* - vũ (舞), *muộn* - vãn (晚)... Trường hợp Khai khẩu được thể hiện bằng /v/ như *viêm* (炎), *vưu* (尤), *vãn* (隕)... vì lẫn lộn với trường hợp Hợp khẩu. Âm Hán Việt phân biệt rõ giữa *Vân* (/ɣj/) (được tách ra từ thanh mẫu *Hạp*) và *Dĩ* (/ø (j)/), trong khi Hán Hàn nhập *Vân* và *Dĩ* làm một. Hán Việt cũng phân biệt khai khẩu và hợp khẩu ở thanh mẫu *Vân*. Chữ thuộc Hợp khẩu kinh qua giai đoạn /\*w/ nên diễn biến cùng với Vi (/m/) chuyển thành /v/. *Dĩ* kinh qua giai đoạn /\*j/ diễn biến cùng với Trùng nữ tứ đẳng (重紐四等) của Minh (/mj/) chuyển thành /z/.

- Sự phân ánh thể đối lập *Thanh* (清. Vô thanh) - *Trọc* (濁. Hữu thanh)

Hán Việt và Hán Hàn đều kinh qua quá trình vô thanh hóa. Hiện tượng này xảy ra trong phạm vi hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ bản địa. Hiện tượng vô thanh hóa ở Hán Việt là kết quả do ngữ âm giai đoạn VMC bị mất thể đối lập vô thanh / hữu thanh từ giai đoạn TVC. Trong hệ thống ngữ âm tiếng Hàn không tồn tại thể đối lập này nên Hán Hàn cũng không có âm hữu thanh. Sau quá trình vô thanh hóa, ở địa hạt Hán Việt, âm tắc vô thanh /p/ và /t/ lại chuyển sang hữu thanh khi tách khỏi Mường, lưu lại sự đối lập này ở thanh điệu.

- Sự phân ánh thể đối lập *Toàn thanh* (全清. Không bật hơi) - *Thứ thanh* (次清. Bật hơi)

Hán Việt phân biệt rõ thể đối lập bật hơi / không bật hơi của Hán Trung cổ. Khi hình thành Hán Việt, trong ngữ âm tiếng Việt đã sẵn có sự phân biệt bật hơi / không bật hơi. Trong khi đó, /\*p' / VMC

được phân hóa ra từ /\*p/ TVC lại mất tính bật hơi sau khi xát hóa và trở thành /f/, tiếp đó, /\*k'/ VMC chuyển thành /x/ vào khoảng thế kỉ XVII ở thanh mẫu Triệt (/t'/), một phần nhỏ đã hòa vào làm một với Tri (/t/), Trùng (/d/) rồi chuyển thành /t/, và trải qua xát hóa, thành /s/. Thanh mẫu Sơ (/tʃ'/) kinh qua quá trình diễn biến /tʃ'/ > /\*t'/ > /\*s/ > /s/ và thanh mẫu Xương (/tʃ'/) kinh qua quá trình diễn biến /tʃ'/ > /\*c/ > /\*t'/ > /s/ ở Hán Việt. Khi hình thành Hán Hàn, tiếng Hàn mới này sinh thế đối lập này sau khi tiếp xúc lâu dài với tiếng Hán nên Hán Hàn không phân biệt rõ mà lẫn lộn thế đối lập bật hơi / không bật hơi.

- Sự phân biệt Thiệt đầu (舌頭) và Thiệt Thượng (舌上)

Ở giai đoạn Hán thượng cổ, dãy Đoan và dãy Tri còn nhập làm một, đến Thiệt vận mới tách thành hai. Trong Tam thập lục tự mẫu đã có sự phân chia Thiệt âm thành Thiệt đầu âm (Âm đầu lưỡi) như đoan, thâu, định, nê và Thiệt thượng âm (Âm mặt lưỡi) như tri, triệt, trùng, nương. Trong một số âm THV như Đung (中. HV Trúng), Đuôi (追. HV Truy) .. thuộc thanh mẫu Tri; Đìa (池. HV Tri), Đũa (箸. HV Trợ) .. thuộc thanh mẫu Trùng còn Hán Hàn trước tk. XV phản ánh hệ thống ngữ âm trước Thiệt vận. Ở Hán Việt, dãy Tri hòa làm một, diễn biến khác với dãy Đoan. Còn Hán Hàn, dãy Tri - Tam đẳng được tách ra sau khi kinh qua quá trình ngạc hóa trong tiếng Hàn.

- Sự phân biệt thanh mẫu Tùng (從)-Tà (邪) và Sàng (床) - Thiên (禪)

Theo Vương Lực [154. tr.138-139], trong ngữ âm Nam Bắc triều (trước Thiệt vận), thanh mẫu Tùng và Tà cũng như Sàng - Thiên còn lẫn với nhau. Ở Hán Việt, Tùng (/dʒ/) và Tà (/z/) đều đọc là /t/, Sùng (/dʒ/. Sàng nhị) và Sĩ (/z/. Thiên nhị) đều đọc là /s/, Thuyền (/dʒ/. Sàng tam) và Thường (/z/. Thiên tam) đều đọc là /t'/. Đây là hậu quả sau quá trình vô thanh hóa trong ngữ âm tiếng Việt. Ở Hán Hàn, các thanh mẫu Sùng, Sĩ, Thuyền, Thường đều đọc là /s/ nhưng phân biệt Tùng và Tà bằng /c/ và /s/. Sự phân biệt Tùng và Tà ở Hán Hàn là do phản ánh hệ thống Thiệt vận.

- Hiện tượng Trùng nữ (重紐) ở Thân âm trong Hán Việt

Hán Việt thể hiện sự đối lập giữa trùng nữ tam đẳng và tứ đẳng. Trong Hán Việt, một số trường hợp thuộc trùng nữ tứ đẳng (重紐四等) có thanh mẫu Bang (幫), Tịnh (並) được thể hiện bằng âm đầu lưỡi /t/ và Bàng (滂) được thể hiện bằng /t'/. Còn trường hợp Minh (明), Vi (微) được thể hiện bằng /z/.

- Hiện tượng tắc hóa và xát hóa

Đây là hiện tượng riêng biệt cho cách đọc Hán Việt. Tắc hóa chỉ xảy ra ở âm xát /\*s/ > /t/ (hoặc /t'/) và tắc xát /\*ç/ > /t'/. Nhưng quá trình đồng quy vào /\*s/ trước khi thành /t/ Hán Việt là một con đường rất phức tạp. Thứ nhất, một số THV để lại những âm trị trước khi nhập vào /\*s/ bằng /c/ như che (蔽. HV tế), chót (卒. HV tốt), chữ (字. HV tự)... hay /z/ như dẽ (繫. HV tế), giếng (井. HV tỉnh), dẫu (嫂. HV tẩu)... và /z/ như rượu (酒. HV tửu), râu (鬚. HV tu), rể (壻. HV tế)... Thứ hai, nếu hiện tượng tắc hóa xảy ra sau khi hình thành âm Hán Việt hoàn toàn ngược lại xu thế chung là xát hóa. Điều này chưa rõ nguyên nhân nhưng chúng tôi nghĩ rằng hiện tượng tắc hóa ở Hán Việt xảy ra sau quá trình vô thanh hóa và những âm tắc xát Hán không có trong tiếng Việt sẽ hòa vào /\*s/, biến thể /\*s/ dần dần mất tính xát chuyển thành âm tắc /t/ rất gần về mặt ngữ âm (đầu lưỡi - vô thanh). Bên cạnh đó là hiện tượng xát hóa xảy ra ở Hán Việt. /\*p'/ VMC được phân hóa ra từ /\*p/ TVC lại mất tính bật hơi sau khi trải qua quá trình xát hóa và trở thành âm xát /f/ ở các thanh mẫu Bàng, Phi, Phu, Phụng. Đến khoảng tk. XV - XVI, hiện tượng này cũng xảy ra ở âm Hán Việt Việt hóa.



## II. Về mặt Vận mẫu (韻母 - Vận; Nguyên âm chính và âm cuối)

### - Xét về giới âm

Những giới âm Tam đẳng /ɿ/ và Tứ đẳng /i/ bị rụng và thu hẹp độ mở của nguyên âm hoặc hòa lẫn với nguyên âm tạo ra nguyên âm đôi hẹp hơn nguyên âm đơn tương ứng ở Hán Việt. Hán Hàn phân biệt Tam đẳng và Tứ đẳng bằng /j/: Giới âm Tam đẳng /ɿ/ bị rụng và giới âm Tứ đẳng được thể hiện bằng /j/. Giới âm Hợp khẩu /w/ được chuyển thành /ɥ/ hoặc hòa cùng nguyên âm tạo ra /o/ hay /u\_o/ ở Hán Việt. Những trường hợp đứng sau âm môi, giới âm /w/ sẽ bị rụng. Ở Hán Hàn, giới âm hợp khẩu /w/ khi đứng sau âm môi và âm đầu lưỡi cũng bị rụng, trong những trường hợp còn lại thì thể hiện bằng /ɥ/.

### - Xét về nguyên âm chính

1. Những vận bộ có nguyên âm mở /a/, /æ/, /e/, /a/, /ɔ/ chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn vẫn là nguyên âm mở và được thể hiện chủ yếu bằng /a/ vì tiếng Việt và tiếng Hàn chỉ có một nguyên âm A duy nhất.

2. Sự phản ánh những vận bộ có nguyên âm nửa đóng /e/, /ə/ ở Hán Hàn và Hán Việt là hết sức phức tạp. Hán Hàn thể hiện những vận bộ trong nhiếp Chi, Thâm, Trăn bằng /i/, Lưu bằng /u/ và Tăng bằng /i/. Hán Việt thể hiện Thâm, Trăn bằng /ɿ/, Tăng bằng /u/. Còn những trường hợp ở Lưu được thể hiện bằng /u/ và Chi được thể hiện bằng /i/.

3. Những vận bộ có nguyên âm đóng /u/ được thể hiện bằng /o/ ở cả Hán Việt và Hán Hàn.

### - Sự Phản ánh Trùng vận (重韻)

1. Trùng vận ở Nhất đẳng nằm trong quan hệ đối lập giữa /ɔ/ và /a/. Trong đó, Đàm (覃./ɔm/, /ɔp/) và Đàm (談./am/, /ap/) đều được thể hiện bằng /am/, /ap/ ở Hán Việt và Hán Hàn. Trường hợp Đông (東) và Đông (冬) sang Hán Việt và Hán Hàn đều thể hiện cùng âm là /oŋ/. Nhưng Thai (哈./bi/) - Thái (泰./ai/), Hán Hàn chuyển Hán TC /bi/ sang /ei/ và /ai/ sang /e/ trong khi Hán Việt /ai/ không phân biệt và đều chuyển thành /aj/. Sự phân biệt ở Hán Hàn phản ánh hệ thống âm Trung cổ đời Ngụy – Tấn, Nam Bắc triều trong khi sự đối lập /ɔ/ và /a/ vẫn được duy trì, còn Hán Việt phản ánh hệ thống âm Trung cổ muộn hơn khi vận bộ Thai (哈./bi/) và Thái (泰./ai/) – Khai nhất (開一) nhập một thành /ai/.

2. Trùng vận ở Nhị đẳng nằm trong quan hệ đối lập giữa /a/ và /e/ (hoặc /æ/). Trong đó, Hán Việt thể hiện những vận bộ Giai (皆./ei/) - Giai (佳./ai/) - Khoái (夬./æi/) thuộc nhiếp Giải (解) đều bằng /aj/ nhưng Hán Hàn lại phân biệt /ai/ bằng /a/ và /ei/, /æi/ bằng /e/. Ngoài ra, Hán Việt và Hán Hàn đều không phân biệt San (刪./an/) và Sơn (山./æn/) thuộc nhiếp Sơn (山) và Canh (庚./eŋ/), Canh (耕./æŋ/) thuộc nhiếp Nganh (梗) hay Hàm (銜./am/) - Hàm (咸./em/) thuộc nhiếp Hàm (咸).

### - Xét về âm cuối

1. Những vận bộ không có âm cuối (âm cuối zero) chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn đều cũng không có âm cuối (Trong đó, những vận bộ Chi (支), Chi (脂), Chi (之) thuộc nhiếp Chi (止) đã hợp nhất làm một, với âm trị là /i/ trước đời Tùy- Trung Đường. Hán Việt và Hán Hàn phản ánh âm trị /i/ này bằng /i/).

2. Những vận bộ có âm cuối /i/ như Vi (微) thuộc nhiếp Chi (止); Thái (泰), Giai (佳), Giai (皆), Khoái (夬), Khôi (灰), Thai (哈) thuộc nhiếp Giải (蟹) vẫn được giữ nguyên âm cuối /i/ trong Hán Việt và Hán Hàn còn những vận bộ Tề (齊), Tế (祭), Phế (廢) thuộc nhiếp Giải (蟹) thì mất âm cuối /i/ khi chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn.

3. Những vận bộ có âm cuối /u/ như Vu (尤), Hâu (侯) và U (幽) thuộc nhiếp Lưu (流) khi chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn vẫn không thay đổi. Những vận bộ Tiêu (蕭), Tiêu (宵), Hào (肴),

Hào (豪) thuộc nhiếp Hiệu (效) sang Hán Việt giữ nguyên âm cuối /u/ nhưng sang Hán Hàn thì được thể hiện bằng âm cổ hơn là /o/.

4. Những vận bộ có âm cuối /m/ - /p/ trong tiếng Hán TC khi chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn vẫn giữ nguyên không thay đổi.

5. Những vận bộ có âm cuối /n/ - /t/ trong Hán TC khi chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn vẫn giữ nguyên. Riêng ở Hán Hàn, Hán TC /t/ được phản ánh bằng /l/.

6. Những vận bộ có âm cuối /ŋ/ - /k/ trong Hán TC khi chuyển sang Hán Việt và Hán Hàn đều giữ nguyên không thay đổi.

### III. Xuất phát điểm của cách đọc Hán Việt và Hán Hàn

Sự phân bố âm đầu và vần của Hán Việt và Hán Hàn và cách phản ánh những đặc điểm Hán Trung cổ gồm sự phân biệt giữa Trọng thanh và Khinh thanh, sự phản ánh thanh mẫu Hạp (匣) và Vân (云), Dĩ (以), sự phân biệt Thiết đầu và Thiết Thượng, sự phân biệt thanh mẫu Tùng (從) - Tà (邪) và Sàng (床) - Thiên (禪) ở Thanh mẫu và sự Phản ánh Trùng vận (重韻) ở Vận mẫu... của Hán Việt và Hán Hàn đều cho thấy những đặc điểm của hệ thống ngữ âm của thời điểm phản ánh của chúng. Trên đại thể, thời điểm xuất phát của âm Hán Việt được xác định là hệ thống ngữ âm Hán TC cuối đời Đường (khoảng tk. VIII - IX) còn Hán Hàn là hệ thống Thiết vận đời Tùy, sơ Đường (khoảng tk. VI - VIII).

### IV. Diễn biến khác nhau từ âm Hán TC đến âm Hán Việt và Hán Hàn

Tiếng Việt tiếp xúc với tiếng Hán từ đầu Công nguyên khi nó còn là tiếng Việt Mường chung, còn phụ tố tiền âm tiết và chưa có thanh điệu. Tiếng Việt đã tiếp thu rất nhiều từ Hán Thượng cổ lúc ấy còn đóng vai trò một sinh ngữ nên người Việt đã đọc các từ ấy theo cách mô phỏng mà ta gọi là cách đọc Tiền Hán Việt. Khác với âm Tiền Hán Việt, âm Hán Việt được du nhập một cách ồ ạt và theo những qui luật khá chặt chẽ, tạo thành một hệ thống ngữ âm riêng. Âm Hán Việt phản ánh được khá đều đặn bộ mặt của âm Hán Trung cổ, trong khoảng hai thế kỉ VIII và IX Sau khi âm Hán Việt hình thành và tương đối ổn định thì cách đọc chữ Hán ở Việt Nam vẫn diễn biến ít nhiều theo sự biến đổi ngữ âm của bản thân tiếng Việt. Cách đọc này được gọi là âm Hán Việt Việt hóa hay Hậu Hán Việt.

Cách đọc chữ Hán ở Hàn Quốc không chịu ảnh hưởng của những biến đổi sau này của hệ thống ngữ âm tiếng Hán ở Trung Quốc mà chỉ diễn biến trong phạm vi hệ thống ngữ âm tiếng Hàn nên giữ nguyên cách đọc chữ Hán hình thành khi du nhập vào Hàn Quốc. Tiếng Hàn rất ít lưu lại những dấu vết của âm Hán trước thời Trung cổ tiền kỳ (giai đoạn tk.VI - VIII), nhưng nếu xét kĩ và so sánh với âm Tiền Hán Việt, ta thấy có những yếu tố gốc Hán trong tiếng Hàn cũng thể hiện rõ sự tương ứng với hệ thống ngữ âm tiếng Hán cổ hơn thời hình thành Hán Hàn.

Sự tìm hiểu cách đọc chữ Hán và những cứ liệu về cách đọc chữ Hán qua các giai đoạn lịch sử là hết sức quan trọng. Tìm hiểu cách đọc Hán Việt và Hán Hàn không chỉ là một vấn đề có tầm quan trọng đối với ngành nghiên cứu lịch sử tiếng Việt và tiếng Hàn mà còn là một cứ liệu tham khảo để nghiên cứu lịch sử tiếng Hán.

Trong hoàn cảnh hội nhập thế giới hiện nay, người Việt có nhu cầu học tiếng Hàn và người Hàn cũng có nhu cầu học tiếng Việt. Việc so sánh ngữ âm tiếng Hàn và tiếng Việt qua bộ phận vay mượn từ gốc Hán là Hán Hàn ở Hàn Quốc và Hán Việt ở Việt Nam, bộ phận từ vựng chiếm khoảng 70% vốn từ vựng của cả hai nước, sẽ giúp cho người Việt và người Hàn học được tiếng của nhau một cách khoa học và dễ dàng hơn. Đây cũng là mong muốn của chúng tôi khi thực hiện luận án này.